

## Giảng viên FPT lập mốc 18 công trình khoa học

Đức Anh

*chungta.vn*

Thứ hai, 9/1/2017 | 10:30 GMT+7

*Chungta.vn* (9/1/2017; <https://chungta.vn/nguoi-fpt/giang-vien-fpt-lap-moc-18-cong-trinh-khoa-hoc-1111010.html>) — Tiến sĩ kinh tế Vương Quân Hoàng, giảng viên Viện Quản trị Kinh doanh FPT (FSB), đã có 18 công trình nghiên cứu được đăng lên các tạp chí quốc tế uy tín trong năm 2016.

Với công trình gần nhất “Health communication, information technology and the public’s attitude toward periodic general health examinations” (tạm dịch: Truyền thông, công nghệ thông tin trong y tế và thái độ của công chúng đối với khám sức khỏe tổng quát) đăng trên F1000Research, anh Vương Quân Hoàng đã kết thúc năm 2016 với bộ sưu tập “khủng” 18 công trình nghiên cứu khoa học bao gồm các bài trên tạp chí khoa học và hai chương sách nghiên cứu tại NXB Routledge/Taylor & Francis cùng một bài hội nghị quốc tế uy tín ở Mỹ.

Sau khi hoàn thành chương trình Tiến sĩ kinh tế/khoa học quản trị tại trường Đại học Libre De Bruxelles (Bỉ), anh Quân trở về Việt Nam làm giảng viên, cố vấn, nghiên cứu trong những dự án thuộc các lĩnh vực liên quan tới tài chính, kinh tế, khoa học cho nhiều tổ chức, trung tâm nghiên cứu cũng như các tập đoàn lớn. Tháng 6/2016, anh chính thức về đầu quân cho Tổ chức Giáo dục FPT với vai trò giảng viên tại FSB.



Anh Vương Quân Hoàng, giảng viên Viện quản trị Kinh doanh FSB thuộc ĐHFPT. Ảnh: FSB.

Ngay khi về FSB, anh Hoàng đã đặt mục tiêu hoàn thành 10 công trình nghiên cứu khoa học đứng tên ĐH FPT trước khi kết thúc quý một của năm 2017. Là một mục tiêu thách thức nhưng với quyết tâm và niềm đam mê, anh Hoàng chỉ cần tới hai phần ba khoảng thời gian đó để chinh phục xong thử thách của chính mình.

18 công trình<sup>1</sup> của anh đều được gửi đăng trên các tạp chí danh tiếng và uy tín như: Int Journal of Behavioural and Healthcare Research, Iranian Journal of Public Health, Indian Journal of Community Health, Biomedical Research, Journal of Innovation and Entrepreneurship, Acta Informatica Medica... và phần lớn nằm trong các danh mục lưu trữ thông tin khoa học quan trọng như ISI/WOS, Scopus và PubMed.

Với thành tích đó, anh Vương Quân Hoàng đã nhận được 5 quyết định khen thưởng của ĐH FPT về những đóng góp trong việc nghiên cứu khoa học. Anh cũng là một trong số các giảng viên luôn đi đầu trong công tác nghiên cứu và sẵn sàng dành thời gian để đầu tư cho các đề tài thú vị. Anh cũng là một trong những giảng viên khơi dậy phong trào nghiên cứu khoa học ở ĐH FPT.



Anh Hoàng chia sẻ về những trải nghiệm của anh trong những lần nghiên cứu đề tài khoa học.

---

<sup>1</sup> Xem *Tài liệu tham khảo*.

Anh Hoàng cũng chia sẻ về ‘bí quyết’ để đạt được năng suất và hiệu quả trong nghiên cứu khoa học. Thứ nhất là óc quan sát và sự suy xét thấu đáo về hướng vấn đề muốn triển khai, mức độ quan trọng, ảnh hưởng và tương lai của nó. Trong suy xét cần đến cả sự tham vấn của những người có kinh nghiệm và khả năng đánh giá “tiềm năng” của vấn đề. Suy nghĩ kỹ là một bước vô cùng quan trọng.

Thứ hai là kỹ năng và tác phong. Nghiên cứu là công việc liên quan tới rất nhiều loại kỹ năng: đọc, đánh giá, tổng kết, xây dựng các sơ đồ logic, thiết kế điều tra/thí nghiệm, thu thập và xử lý dữ liệu, tính toán và suy luận khoa học, viết tiếng Anh, trả lời giải đáp thắc mắc, chống đỡ các chỉ trích (dù là mang tính xây dựng)... do đó, sự cầu thả và xem thường những kỹ năng dù là nhỏ nhất cũng có thể rất tai hại về lâu dài.

Yếu tố thứ ba cũng đặc biệt quan trọng là sức bền, khả năng chấp nhận thất bại và tiếp tục công việc sau những thất bại. Người nghiên cứu có xu hướng ngày càng tiến đến những nơi chốn khó khăn hơn, vấn đề sâu hơn, và ấn phẩm có tỷ lệ chấp nhận thấp hơn (cạnh tranh dữ dội hơn).

Như vậy thất bại thường xuyên xảy ra. Việc dũng cảm chấp nhận những thất bại cũng khiến cho bản thân trở nên khiêm nhường hơn, giảm cái “tôi” không đáng để rộng chỗ cho sự suy xét tỉnh táo và minh mẫn. Thất bại cũng thúc đẩy việc tìm tòi cái hay và khai thác sức mạnh trí tuệ ở những chỗ có khi rất bất ngờ. Cho nên, học cách vui vẻ thích ứng với những thất bại là bài học quý giá.

Theo anh, số lượng nghiên cứu được công bố quốc tế của Việt Nam các năm gần đây tăng trưởng cao nhưng vẫn chưa xứng với nguồn “tài nguyên” hiện có. Cần có thêm nhiều biện pháp thúc đẩy tăng cường chất lượng đội ngũ các nhà nghiên cứu và anh nhấn mạnh việc đặt ra động lực nghiên cứu như “yêu cầu những giảng viên được giao nhiệm vụ hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, đặc biệt ở trình độ sau đại học, cần có công trình nghiên cứu khoa học được đăng lên các tạp chí quốc tế ISI/Scopus hoặc có đủ uy tín về chất lượng được đồng nghiệp nhất trí”.

*Theo quy định ở ĐH FPT, cán bộ, giảng viên bao gồm ký hợp đồng lao động chính thức, thử việc, cộng tác viên; sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh sẽ được thưởng từ 20-40 triệu đồng khi có các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế. Hiện, đơn vị có 40 đề tài được lọt vào danh sách này.*

### Tài liệu tham khảo:

- Vuong QH. (2016). Whither voluntary communities of co-located patients in Vietnam? Empirical evidence from a 2016 medical survey dataset. *Indian Journal of Community Health*, 28(4), 389-397.
- Vuong QH. (2016). Health communication, information technology and the public's attitude toward periodic general health examinations. *F1000Research*, 5, 2935; DOI: 10.12688/f1000research.10508.1.
- Vuong QH. (2016). Medical expenses matter most for the poor: evidence from a Vietnamese medical survey. *Materia Socio Medica*, 28(6), 429-431.
- Vuong QH, Vu QH, Vuong TT. (2016). Relationship between past experience, social network participation and creative capacity: Vietnamese entrepreneurship in transition. *International Journal of Transitions and Innovation Systems*, 5 (3/4), 299-313.
- Vuong QH. (2016). Empirical probabilities of (non)optimal healthcare choice conditional on socioeconomic status and time consumption. *Indian Journal of Community Health*, 28(3), 286-290.
- Vuong QH, Napier NK, Do TH, Vuong TT. (2016). Creativity and entrepreneurial efforts in an emerging economy. *Business Creativity and the Creative Economy*, 2(1), 39-50. DOI: 10.18536/bcce.2016.10.2.1.04.
- Vuong QH. (2016). Information expensiveness perceived by Vietnamese patients with respect to healthcare provider's choice. *Acta Informatica Medica*, 24(5), 360-363. DOI:10.5455/aim.2016.24.360-363.
- Vuong QH, Nguyen TK. (2016). Data on Vietnamese patients' financial burdens and risk of destitution. *Data in Brief*, 9(1), 543-548. DOI: 10.1016/j.dib.2016.09.040.
- Vuong QH. (2016). Determinants of firm performance in a less innovative transition system: exploring Vietnamese longitudinal data. *International Journal of Transitions and Innovation Systems*, 5(1), 20-45.
- Vuong QH. (2016). Impacts of geographical locations and sociocultural traits on the Vietnamese entrepreneurship. *SpringerPlus*, 5(1), 1189. DOI: 10.1186/s40064-016-2850-9.
- Vuong QH. (2016). Data on Vietnamese patients' behavior in using information sources, perceived data sufficiency and (non)optimal choice of healthcare provider. *Data in Brief*, 7(1), 1687-1695. DOI: 10.1016/j.dib.2016.04.066.
- Vuong QH, Do TH, Vuong TT. (2016). Resources, experience and perseverance in entrepreneurs' perceived likelihood of success in an emerging economy. *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 5(1), 18. DOI: 10.1186/s13731-016-0047-7.

- Vuong QH. (2016). Global mindset as the integration of emerging socio-cultural values through mindsponge processes: A transition economy perspective. In J. Kuada (ed.). *Global Mindsets: Exploration and Perspectives* (pp. 109-126). London: Routledge. ISBN: 978-1-13-883177-3.
- Vuong QH. (2016). Survey data on entrepreneurs' subjective plan and perceptions of the likelihood of success. *Data in Brief*, 6(1), 858-864. DOI:10.1016/j.dib.2016.01.034.
- Vuong QH, Ha N. (2017). Patients' contribution as a quid pro quo for community supports? Evidence from Vietnamese co-location clusters. *International Journal of Business and Society*, 18(1), 189-210.
- Pham HH, Farrell K, Vu HM, Vuong QH. (2017). Using YouTube videos to promote universities: a content analysis. *Technics Technologies Education Management*, 12(1), 58-72.
- Vuong QH, Nguyen H, Vuong TT. (2017). Health insurance thresholds and policy implications: a Vietnamese medical survey in 2015. *Biomedical Research*, 28(6), 2432-2438.
- Vuong QH. (2017). Economic benefits and treatment progress as determinants of Vietnamese voluntary co-located patients clusters. *Journal of Public Health Research*, 6(1), 10-17. DOI: 10.4081/jphr.2017.788.